

MÃY VẤN ĐỀ

VỀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở CÁC TỈNH PHÍA NAM

NGUYỄN VĂN Á

Hoàn chỉnh trạm biến thế 35 kV Đông Hà phục vụ 3 huyện Triệu Phong, Cam Lộ, Hải Lăng (Bình Trị Thiên). Ảnh: QUANG TRIỆU (TTXVN)



MIỀN Nam hoàn toàn giải phóng, ta tiếp thu được với tình hình điện lực quê quật nên có gặp khó khăn, nhất là về điện nông nghiệp thì hầu như chưa có gì. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải rất nỗ lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển điện phục vụ tốt cho yêu cầu đòi hỏi cấp thiết của sản xuất nông nghiệp trên địa bàn rộng lớn này.

Trong thời gian tới, nông nghiệp nước ta sẽ được tổ chức lại và phải đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện được mục tiêu trên, sản xuất nông nghiệp các tỉnh phía Nam phải nhanh chóng đi vào hợp tác hóa, xây dựng các nông trường quốc doanh, các vùng chuyên canh, các vùng kinh tế mới.

Muốn thực hiện được mục tiêu nói trên,

yếu cầu phát triển của các ngành sản xuất nông nghiệp các tỉnh phía Nam rất lớn và cấp bách. Vì vậy, ngành điện nông nghiệp phải ra sức vươn lên, không phải đồng thời mà phải đi trước một bước để tạo điều kiện thuận lợi cần thiết cho việc đẩy mạnh cơ giới hóa và áp dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp.

Thấu suốt tầm quan trọng lớn lao của nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân, theo tôi, ngành điện khí hóa nông nghiệp các tỉnh phía Nam cần xác định cho mình mục tiêu, phương hướng chủ yếu trong giai đoạn 1976 - 1980 là :

a) Khẩn trương xây dựng các trạm phát điện, phát triển lưới điện, giải quyết tưới tiêu bằng trạm bơm điện ở các tỉnh phía Nam, trọng tâm là vùng lúa đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng miền duyên hải Nam Trung Bộ, vùng rau màu, cây công nghiệp Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ.

b) Phục vụ cuộc vận động di chuyển lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới, xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lại lao động xã hội và lao động nông thôn nói riêng ở các tỉnh phía Nam.

c) Mở rộng cung cấp điện cho nhiều khâu sản xuất trong nông nghiệp, trọng tâm là chế biến nông sản phẩm, đặc biệt là ở các vùng chuyên canh các loại cây công nghiệp, hoa màu, lương thực (chế biến chè, cà phê, cao su, mía, lúa, ngô, sắn v.v... ; một số khâu trong chăn nuôi (chế biến thức ăn, cung cấp nước, v.v... ; phục vụ chế tạo, sửa chữa nông cụ, cơ khí nông nghiệp, và từng bước cung cấp điện, phục vụ sinh hoạt cải thiện đời sống ở nông thôn, nhất là các vùng kinh tế mới.

d) Tiến hành điện khí hóa thí điểm một vài huyện điển hình, phục vụ việc xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế hoàn chỉnh, cấp quản lý kinh tế toàn diện ; nhanh chóng đúc rút kinh nghiệm để triển khai thực hiện điện khí hóa nông nghiệp chung ở các tỉnh phía Nam, tiến kịp với tiến bộ điện khí hóa chung cả nước.

Để tiện việc nghiên cứu phát triển điện công nghiệp trước mắt cũng như lâu dài cho các tỉnh phía Nam, ta có thể chia các tỉnh phía Nam thành 5 vùng nhỏ sau đây :

1. Vùng Bình Trị Thiên

Toàn bộ diện tích trồng trọt vùng này thường bị khô hạn. Diện tích bị ngập úng lớn.

Trong các năm tới cần cung cấp điện phục vụ các công trình thủy lợi lớn như : công trình thủy lợi Hà Thượng (Quảng Trị), sông Hương và sông Bồ (Thừa Thiên) v.v... và xây

dựng một số trạm bơm nhỏ khác. Giải quyết cung cấp điện cho các vùng kinh tế mới quy mô lớn để phục vụ chế biến nông sản phẩm, sửa chữa nông cụ, cơ khí, phục vụ sinh hoạt công nhân công nông nghiệp v.v..., đưa điện về các hợp tác xã nông nghiệp xung quanh thị trấn, thị xã phục vụ các khâu sản xuất nông nghiệp và phát triển các ngành nghề phụ khác.

Hiện tại, vùng này chưa có lưới điện chung Nhà nước quản lý. Về lâu dài, có nhiều khả năng xây dựng các nhà máy phát thủy điện lớn. Sắp tới, trong kế hoạch 1976-1980 sẽ xây dựng nhà máy phát nhiệt điện để phục vụ công, nông nghiệp trong vùng. Trước mắt những vùng xa lưới điện chung cần xây dựng các trạm phát điện độc lập và các trạm thủy điện nhỏ để đáp ứng yêu cầu sản xuất kịp thời.

2) Vùng ven biển Nam Trung Bộ

Diện tích trồng trọt ở đây thường hạn hán. Một số diện tích ven biển bị mặn. Rải rác có các vùng chuyên canh như : mía (Nghĩa Bình, Phú Khánh), bông (Phủ Yên, Thuận Hải), thuốc lá (Thuận Hải), dâu tằm (Quảng Nam), dừa (Bình Định), v.v... Các vùng kinh tế mới đang được xây dựng và mở rộng trồng các cây hoa màu (sắn, ngô, đỗ, khoai lang v.v...) và các cây công nghiệp.

Đối tượng phục vụ của điện nông nghiệp chủ yếu là thủy lợi, chế biến nông sản phẩm, sửa chữa cơ khí nông nghiệp v.v... Hiện tại, đường dây điện cao thế (110 kV) từ Nhà máy thủy điện Đa Nhim đã đi qua Thuận Hải và một phần tỉnh Phú Khánh. Sắp tới, có thể lấy điện từ lưới điện chung phục vụ sản xuất nông nghiệp của 2 tỉnh : Thuận Hải, Phú Khánh và một phần tỉnh Nghĩa Bình. Riêng Quảng Nam và bắc Nghĩa Bình về lâu dài sẽ có nhiều nhà máy thủy điện lớn được xây dựng. Nhưng, trước mắt, nguồn điện còn ít, thiếu, lưới điện chỉ mới tập trung quanh các tỉnh lỵ, huyện lỵ. Phải tận dụng lưới điện này đưa về phục vụ sản xuất nông nghiệp cho những nơi lân cận. Cần xây dựng các trạm phát điện độc lập cung cấp điện cho những nơi cần điện và tích cực xây dựng các trạm thủy điện nhỏ ở những vùng núi.

3) Vùng Tây Nguyên

Đây là một vùng kinh tế rất lớn và quan trọng nhưng mức độ khai thác còn rất ít. Để khai thác tiềm năng của Tây Nguyên điều trước tiên không thể không chú ý đến điện năng Đất đai và thời tiết Tây Nguyên rất thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp cao su, mía, cà phê, bông v.v..., cây hoa màu (ngô, sắn, đỗ, lạc, rau, v.v...) và đồng cỏ chăn nuôi đại gia súc với quy mô lớn. Khí hậu

Tây Nguyên có hai mùa : khô hanh và mưa ẩm. Phải có điện để bơm nước tưới cây trồng, khai thác nước ngầm cho sinh hoạt của công nhân nông nghiệp vào mùa khô. Phải có điện phục vụ chế biến, bảo quản nông sản phẩm nhất là mùa mưa ẩm, đặc biệt là khối lượng chế biến khá lớn. Đặc điểm sử dụng điện ở đây mang tính chất công nghiệp hơn là nông nghiệp : phụ tải tập trung lớn, thường xuyên, liên tục v.v... Nhu cầu điện cho chế biến, sửa chữa cơ khí, thắp sáng, sinh hoạt chiếm phần lớn (2/3) toàn bộ nhu cầu của vùng.

Hiện tại, có thể mở rộng và tận dụng các nguồn thủy điện : Đa Nhim, Dray Ling, v.v... Cần xúc tiến gấp việc xây dựng các trạm thủy điện nhỏ và các trạm phát điện lớn cho vùng này. Tương lai ở đây có nhiều khả năng xây dựng thủy điện lớn, nhưng trong kế hoạch 1976-1980 chưa xây dựng được, chỉ tiến hành bước quy hoạch, thiết kế và chuẩn bị.

4) Miền Đông Nam Bộ

Đất đai ở đây rất thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp, đặc biệt là cao su, mía, các loại cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc. Diện tích lúa khoảng 30 vạn hecta. Nhìn chung chưa được thủy lợi hóa. Nước thủy triều lên rất cao. Ruộng bị chua mặn nhiều. Phải giải quyết thủy lợi bằng trạm bơm điện. Công tác chế biến nông sản phẩm cần rất nhiều điện. Mùa khô ở đây thiếu nước ăn, phải có điện để phục vụ cho đời sống công nhân nông nghiệp.

Nguồn điện ở đây chủ yếu dựa vào lưới điện chung do Nhà nước quản lý từ thành phố Hồ Chí Minh và Nhà máy thủy điện Đa Nhim. Những vùng xa xôi hẻo lánh cần xây dựng các trạm phát điện độc lập. Thủy điện nhỏ cũng có thể phát triển mạnh. Tương lai ở đây có thể xây dựng nhiều nhà máy thủy điện lớn khác trên sông Đồng Nai.

5. Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Diện tích canh tác khoảng 4-5 triệu hecta. Đất đai bằng phẳng, thời tiết thuận lợi. Đây là vùng chuyên canh lúa lớn nhất nước ta. Đây cũng là vùng trồng cây ăn quả, chăn nuôi tiểu gia súc, gia cầm với số lượng rất lớn. Điện đưa về phục vụ trước nhất là khâu tưới tiêu, rửa chua mặn. Nhiều xưởng chế biến hoa quả, đường mía, ép dầu dừa, chế biến đay, cói, xay sát gạo, chế biến thức ăn gia súc, xí nghiệp chăn nuôi, v.v... Cần có điện phục vụ. Các cơ sở này phần lớn tập trung ở các huyện lỵ, thị trấn. Các hợp tác xã nông nghiệp cần điện phục vụ cho cơ khí nhỏ.

Nguồn điện ở đây chủ yếu sẽ do Nhà máy phát điện Cần Thơ cung cấp. Theo kế hoạch đã định, hệ thống lưới điện chung ở đây sẽ

được nối thống nhất với lưới điện thành phố Hồ Chí Minh, Đông Nam Bộ. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển điện nông nghiệp.

Tóm lại, yêu cầu về điện trong những năm tới đối với các tỉnh phía Nam rất lớn, tốc độ phát triển đòi hỏi rất cao, ta phải có những chủ trương, hiện pháp sát đúng, thích hợp mới giải quyết tốt được.

Từ kinh nghiệm của việc đưa điện phục vụ sản xuất nông nghiệp các tỉnh phía Bắc những năm qua cho thấy, bước đầu tiên của việc đưa điện về nông thôn là công tác quy hoạch. Công tác quy hoạch có tầm quan trọng đặc biệt. Không thông, qua quy hoạch hoặc quy hoạch không tốt sẽ gây ra nhiều tác hại đến các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.

Nội dung của công tác quy hoạch bao gồm : quy hoạch các mục tiêu sản xuất, các hộ tiêu thụ điện của tất cả các ngành, các mặt, các điểm dân cư trong vùng. Cơ sở để quy hoạch phải được dựa trên chủ trương lấy địa bàn huyện làm cấp cơ sở của nông nghiệp. Mỗi huyện có diện tích canh tác khoảng 10 000 hecta, chia ra làm 9-10 hợp tác xã có quy mô bình quân mỗi hợp tác xã trên dưới 1 000 hecta. Mỗi hợp tác xã là một điểm dân cư, và đó là một đơn vị kinh tế « nông - công nghiệp » tương đối hoàn chỉnh với phương thức sản xuất về căn bản, được cơ khí hóa và điện khí hóa theo hướng chuyên canh, thâm canh. Mỗi điểm dân cư là một điểm điện. Huyện lỵ là trung tâm : kinh tế, chính trị, kỹ thuật, lưu thông phân phối v.v... của huyện. Do đó huyện lỵ sẽ tiêu thụ một khối lượng điện năng khá lớn.

Trong khi quy hoạch các điểm dân cư của các vùng kinh tế mới cần phải được suy nghĩ sắp xếp hợp lý ngay từ đầu. Các điểm dân cư vùng đất thuộc, hiện tại chưa có điều kiện điều chỉnh theo ý muốn một cách đầy đủ được, nhưng phải có quy hoạch cụ thể để điều chỉnh dần và hạn chế sự phát triển ngoài khuôn khổ quy hoạch cho phép. Các điểm dân cư ngoài yêu cầu chung là cao ráo, thoáng mát, tiết kiệm đất trồng trọt, không trở ngại cho sản xuất cơ khí hóa v.v... về góc độ cung cấp điện còn yêu cầu các điểm dân cư phải tập trung để tiết kiệm vốn đầu tư xây dựng lưới điện và tiết kiệm điện năng.

Trong việc quy hoạch điện nông nghiệp, trên cơ sở yêu cầu điện của các cơ sở sản xuất, các điểm dân cư, v.v... của vùng mà tính toán về dung lượng thiết bị điện, về lộ tuyến của dây dẫn, về vị trí trạm biến áp, trạm phát điện, v.v... Có như vậy, mới tránh được

những hiện tượng tùy tiện chấp và và gây lãng phí đáng tiếc.

Mặt khác, với đặc điểm, điều kiện của mỗi vùng không giống nhau nên vấn đề trang bị điện ở mỗi nơi có sự khác nhau. Cụ thể là:

Vùng đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Nam Tây Nguyên (Lâm Đồng và Nam Đắk Lắk), Cực Nam Trung Bộ (Thuận Hải, Phú Khánh), cần khẩn trương xây dựng lưới chuyên tải và phát triển dần từng bước lưới phân phối để đưa nguồn điện chung Nhà nước quản lý về phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các vùng còn lại sẽ dựa vào các trạm phát điệnzen hoạt động độc lập và trạm thủy điện nhỏ. Trong việc xây dựng các trạm phát điệnzen hoạt động độc lập cho mỗi nơi cũng có tính toán với công suất khác nhau. Các vùng kinh tế mới, chuyên canh, tập trung (Tây Nguyên và một số vùng của Nam Trung Bộ) cần xây dựng các cụm phát điệnzen có công suất lớn (hàng nghìn kilôoát) và hình thành dần mạng lưới điện địa phương, trên cơ sở quy hoạch các mục tiêu tiêu thụ điện tập trung, để điện năng có các chỉ tiêu kỹ thuật - kinh tế tương đối tốt, đáp ứng được yêu cầu sản xuất đề ra. Riêng các vùng đất thuộc, các địa điểm sản xuất phân tán, lưới điện chung Nhà nước quản lý chưa kéo đến được thì có thể chỉ đặt các trạm phát điệnzen có công suất nhỏ (hàng chục hoặc một vài trăm kilôoát) phục vụ riêng cho từng cơ sở

sản xuất. Các trạm biến áp tiêu thụ ở các vùng đất thuộc (đồng bằng sông Cửu Long, duyên hải Trung Bộ) cần tính toán công suất thích hợp. Nói chung, đại bộ phận các trạm, công suất nên khoảng 400 kVA và một ít là 320 kVA 180kVA và 50kVA (trừ các trạm bơm công suất lớn) để có bán kính phục vụ cho các máy động lực trong vòng 1 kilômét, và phục vụ cho điện sinh hoạt trong vòng 1.5 kilômét. Về máy công tác tĩnh tại phục vụ nông nghiệp dùng động cơ điện làm động lực, nên thiết kế với công suất không quá lớn (chỉ từ 1kW - 14kW) để phù hợp với các chỉ tiêu kỹ thuật của lưới điện nông nghiệp (trừ máy bơm nước chống úng hạn). Để việc sử dụng điện thu được hiệu quả kinh tế cao, mỗi cơ sở sản xuất được trang bị điện phải trang bị đồng bộ, sử dụng điện nhiều khâu, thời gian sử dụng nhiều, phụ tải sử dụng liên tục và bằng phẳng v.v..

Để triển khai tốt kế hoạch công tác điện phục vụ nông nghiệp 1976 - 1980 ở các tỉnh phía Nam, ngay từ bây giờ, một số vấn đề thiết yếu cần được nghiên cứu giải quyết: sớm nghiên cứu lập quy hoạch điện nông nghiệp cho từng nơi; chú ý đến việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật; chú trọng đến việc trang bị đúng chủng loại kiểu cỡ cho điện nông nghiệp; quan tâm đến việc xây dựng hệ thống sửa chữa thiết bị điện và phải xây dựng lực lượng quản lý chỉ đạo đủ mạnh và có hiệu lực trong ngành.